TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2018/HS-ST
Ngày: 24-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tao Văn Vinh;

2. Ông Chảo San On

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Xuân - Kiểm sát viên;

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2018/TLST-HS, ngày 14 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hà Văn M**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 11 tháng 7 năm 1988 tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân quản lý vận hành điện; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Hà Văn M và bà Đàm Thị H, hiện hai ông bà đang cư trú tại: Xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có vợ là Vũ Thúy N và 02 con. Hiện vợ và các con của bị cáo đang cư trú tại xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2018 đến ngày 21/5/2018 (Thời hạn tạm giữ 09 ngày); Bị cáo Hà Văn M đang bị áp dụng biện ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên số 04/2018/LCCT-TA ngày 20/9/2018 (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Ngô Kim H1**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12 tháng 8 năm 1987 tại huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình; Tạm trú tại: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ mộc; Trình độ

học vấn: 9/12; Con ông Ngô Kim Đ (hiện đang cư trú tại: Xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình) và bà Đoàn Thị M (Đã chết); Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Ngày 27/8/2012 bị công an tỉnh Điện Biên Quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (bị cáo đã thi hành xong Quyết định xử phạt hành chính); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2018 đến ngày 21/5/2018 (Thời hạn tạm giữ 09 ngày); Bị cáo Ngô Kim H1 đang bị áp dụng biện ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên số 06/2018/LCCT-TA ngày 20/9/2018 (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Nguyễn Đình T**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 23 tháng 7 năm 1987 tại huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã B, huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi tạm trú: Bản N, xã C1, huyện N, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Đình T và bà Đỗ Thị Y, hiện hai ông bà đang cư trú tại: Xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; Gia đình bị cáo có 03 anh, chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con, hiện vợ và các con của bị cáo đang cư trú tại xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2018 đến ngày 21/5/2018 (Thời hạn tạm giữ 09 ngày); Bị cáo Nguyễn Đình T đang bị áp dụng biện ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên số 08/2018/LCCT-TA ngày 20/9/2018 (Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **Nguyễn Duy K**; Tên gọi khác: Nguyễn Duy H; Giới tính: Nam; Sinh ngày 03 tháng 4 năm 1968 tại huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi tạm trú: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 02/7; Con ông Nguyễn Duy N và bà Đỗ Thị T, hiện hai ông bà đang cư trú tại: Xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; Gia đình bị cáo có 07 anh, chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Có vợ là Đỗ Thị D và 02 con, hiện vợ và con thứ hai của bị cáo đang cư trú tại xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; con thứ nhất của bị cáo đang cư trú tại xã Trung Hòa, huyện C, thành phố Hà Nội; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2018 đến ngày 21/5/2018 (Thời hạn tạm giữ 09 ngày); Bị cáo Nguyễn Duy K đang bị áp dụng biện ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên số 05/2018/LCCT-TA ngày 20/9/2018 (Có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 05 tháng 5 năm 1979 tại huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T, hiện hai ông bà đang cư trú tại: Xã P, huyện C, thành phố Hà Nội; Gia

đình bị cáo có 05 anh, chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con, hiện vợ và các con của bị cáo đang cư trú tại xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2018 đến ngày 21/5/2018 (Thời hạn tạm giữ 09 ngày); Bị cáo Nguyễn Văn L đang bị áp dụng biện ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên số 12/2018/LCCT-TA ngày 20/9/2018 (Có mặt tại phiên tòa).

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn S**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 06 tháng 9 năm 1989 tại huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Bán hàng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn S và bà Bùi Thị P, hiện hai ông bà đang cư trú tại: Xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con, hiện vợ và các con của bị cáo đang cư trú tại Nà Hỳ, huyện N, tỉnh Điện Biên; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2018 đến ngày 21/5/2018 (Thời hạn tạm giữ 09 ngày); Bị cáo Nguyễn Văn S đang bị áp dụng biện ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên số 09/2018/LCCT-TA ngày 20/9/2018 (Có mặt tại phiên tòa).

7. Họ và tên: **Nguyễn Văn B**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15 tháng 6 năm 1974 tại huyện H, tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKHKTT: Đội 12, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi tạm trú: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 3/10; Con ông Nguyễn Thanh S (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T, hiện đang trú tại: Xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Gia đình bị cáo có 05 anh, chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Có vợ là Nguyễn Thị L và 03 con, hiện vợ và các con của bị cáo đang cư trú tại H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Ngày 12/6/2006 bị công an huyện Đ, tỉnh Điện Biên Quyết định xử phạt hành chính số tiền 500.000 đồng vì hành vi đánh bạc (bị can đã thi hành xong Quyết định xử phạt hành chính); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2018 đến ngày 21/5/2018 (Thời hạn tạm giữ 09 ngày); Bị cáo Nguyễn Văn B đang bị áp dụng biện ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên số 07/2018/LCCT-TA ngày 20/9/2018 (Có mặt tại phiên tòa).

8. Họ và tên: **Nguyễn Văn T1**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 05 tháng 5 năm 1990 tại huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi ĐKHKTT: Xã C1, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nơi tạm trú: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Nguyễn Văn B (Đã chết) và Nguyễn Thị C, hiện đang trú tại: Xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con, hiện vợ và các con của bị cáo đang cư trú tại H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị

tạm giữ từ ngày 13/5/2018 đến ngày 21/5/2018 (Thời hạn tạm giữ 09 ngày); Bị cáo Nguyễn Văn T1 đang bị áp dụng biện ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên số 13/2018/LCCT-TA ngày 20/9/2018 (Có mặt tại phiên tòa).

9. Họ và tên: **Trịnh Đình A**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16 tháng 8 năm 1988 tại huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Trịnh Đình T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H, hiện đang trú tại: Xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con, hiện vợ và các con của bị cáo đang cư trú tại Nà Hỳ, huyện N, tỉnh Điện Biên; Ngày 31/7/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tuyên phạt 30 tháng tù về tội: Cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Tháng 9/2009 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2018 đến ngày 21/5/2018 (Thời hạn tạm giữ 09 ngày); Bị cáo Trịnh Đình A đang bị áp dụng biện ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên số 10/2018/LCCT-TA ngày 20/9/2018 (Có mặt tại phiên tòa).

10. Họ và tên: **Bùi Xuân T**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 06 tháng 12 năm 1967 tại huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Bùi Xuân T (Đã chết) và bà Cao Thị T, hiện đang trú tại: Xã H, huyện C, thành phố Hà Nội; Gia đình bị cáo có 03 anh, chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có vợ là Vũ Thị N và 02 con, hiện vợ con thứ nhất của bị cáo đang cư trú tại xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên. Con thứ hai của bị cáo đang cư trú tại xã H, huyện C, thành phố Hà Nội; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2018 đến ngày 21/5/2018 (Thời hạn tạm giữ 09 ngày); Bị cáo Bùi Xuân T đang bị áp dụng biện ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên số 11/2018/LCCT-TA ngày 20/9/2018 (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

+ Anh: Hà Tiến Đ, sinh năm 1987, trú tại: Trung Tâm huyện N, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

+ Anh: Nguyễn Văn H2, sinh năm 1988, trú tại: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

+ Anh: Nguyễn Văn C, sinh năm 1985, trú tại: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

+ Anh: Nhữ Văn L, sinh năm 1982, trú tại: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

+ Anh: Phạm Hữu H, sinh năm 1987, trú tại: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

+ Anh: Trần Công Đ1, sinh năm 1978, trú tại: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

+ Bà: Vũ Thị N, sinh năm 1971, trú tại: Bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 13 giờ ngày 12/5/2018, tại nhà riêng của gia đình Bùi Xuân T tại bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, Nguyễn Văn S rủ Bùi Xuân T, Nguyễn Duy K và Nguyễn Văn L cùng đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài chắn. Những người chơi quy ước với nhau sử dụng 01 bộ bài chắn, 01 chiếc đĩa sứ (dùng để quân bài) đánh "xuông hai dịch một", mỗi điểm 10.000 đồng, nghĩa là người nào ù xuông không có cước thì những người còn lại phải trả cho người ù xuông 20.000 đồng, nếu bài có cước thì cộng thêm tiền tùy theo bài ù: ù tôm thì những người còn lại phải trả cho người ù 40.000 đồng, ù lèo thì những người còn lại phải trả cho người ù 50.000 đồng, ù Bạch định được 60.000 đồng, ù Tám đỏ được 70.000 đồng.

Sau đó Nguyễn Văn S, Bùi Xuân T, Nguyễn Duy K và Nguyễn Văn L cùng nhau ngồi trên chiếu rải dưới nền phòng bếp của gia đình Bùi Xuân T đánh bạc dưới hình thức đánh bài chắn. Trước khi đánh bạc Bùi Xuân T có 450.000 đồng, Nguyễn Văn S có 550.000 đồng, Nguyễn Duy K có 600.000 đồng và Nguyễn Văn L có 1.000.000 đồng. T, S, K, L cùng nhau đánh bạc được khoảng 30 phút thì Trịnh Đình A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T1, Hà Văn M, Ngô Kim H1, Nguyễn Đình T, Trần Công Đ1, Phạm Hữu H và Nhữ Văn L đến nhà Bùi Xuân T và đi vào phòng bếp nơi T, S, L, K đang đánh bạc với nhau. Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H2 và Hà Tiến Đ cũng đến nhà Bùi Xuân T ngồi ở ngoài phòng khách uống nước. Sau đó Hà Văn M, Trịnh Đình A, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T1, Ngô Kim H1 cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Nguyễn Đình T sử dụng 01 chiếc kéo cắt 02 quân bài chắn thành 04 quân vị hình tròn có đường kính khoảng 01 cm, lấy 01 chiếc bát sứ và 01 chiếc đĩa sứ có sẵn trong phòng bếp của gia đình Bùi Xuân T để làm dụng cụ đánh bạc. Những người chơi quy ước với nhau sử dụng 04 quân vị cho vào 01 đĩa sứ rồi dùng 01 chiếc bát úp lên sau đó xóc. Người chơi đặt tiền cửa chẵn hoặc lẻ theo sự suy đoán của mình, thấp nhất là 100.000 đồng/01lượt chơi, cao nhất 3.000.000 đồng/01 lượt chơi. Khi mở bát ra nếu có 2 hoặc 4 quân vị cùng màu đỏ hoặc cùng màu trắng

là chẵn, có 1 hoặc 3 quân vị màu đỏ hoặc màu trắng là lẻ. Nếu mở bát ra là chẵn thì người đặt cửa chẵn được số tiền bằng với số tiền của mình đã đặt, người đặt cửa lẻ sẽ bị mất số tiền mình đã đặt và ngược lại. Người cầm cái lấy tiền của người thua trả cho người thắng, nếu thừa thì được hưởng còn nếu thiếu thì phải bù bằng tiền của mình. Nguyễn Đình T là người xóc đĩa, cùng chơi có Hà Văn M, Trịnh Đình A, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn T1. T1, M, Tiến, T, Thực cùng ngồi lên sập trong phòng bếp của gia đình Bùi Xuân T để đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. Lúc bắt đầu chơi Nguyễn Đình T có 5.000.000 đồng, Nguyễn Văn T1 có 4.100.000 đồng, Trịnh Đình A có 20.000.000 đồng, Hà Văn M có 10.000.000 đồng, Nguyễn Văn B có 4.220.000 đồng. T1, M, Tiến, T, Thực cùng chơi được 02 đến 03 lượt thì T, Sự, L, K không đánh bạc dưới hình thức đánh bài chắn nữa. Hà Văn M, Trịnh Đình A, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn B cùng xuống ngồi lên chiếu trải trên nền nhà cùng với Nguyễn Văn S, Bùi Xuân T, Nguyễn Duy K và Nguyễn Văn L đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. Nhữ Văn L, Phạm Hữu H, Trần Công Đ1 và Ngô Kim H1 ngồi trên sập để xem đánh bạc, trong lúc mọi người chơi Ngô Kim H1 sử dụng 1.490.000 đồng tham gia đặt tiền (đánh bạc) 02 lượt. Nguyễn Đình T là người xóc cái (cầm cái) cùng chơi có T1, M, Tiến, Thực, T, Sự, L, K, Hùng. Trong khi đang đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa thì mất điện. Ngô Kim H1 dụng 01 đèn pin có sẵn trong nhà để soi cho mọi người đánh bạc, khoảng 10 phút sau có điện mọi người tiếp tục đánh bạc với nhau. Trong lúc đánh bạc Trịnh Đình A vay của Nguyễn Đình T 9.500.000 đồng, Nguyễn Văn S vay của Nguyễn Đình T 10.000.000 đồng nhưng trong lúc đánh bạc đã trả lại cho T. Nguyễn Văn S lấy 200.000 đồng của bản thân và thu của Nguyễn Văn B, Nguyễn Đình T, Trịnh Đình A, Nguyễn Văn T1, Hà Văn M mỗi người 200.000 đồng, tổng cộng 1.200.000 đồng đưa cho Bùi Xuân T để mua nước và thuốc lá. T đã sử dụng 1.200.000 đồng vào việc đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày khi T, T1, M, Tiến, Thực, T, Sự, L, K, Hùng đang đánh bạc thì bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Điện Biên phối hợp với Công an huyện N bắt quả tang. Thu giữ trên bàn thờ của gia đình Bùi Xuân T số tiền 20.000.000 đồng là tiền sử dụng đánh bạc do Trịnh Đình A bỏ lên, thu giữ trên người Bùi Xuân T, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn L, Trịnh Đình A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn T1, Hà Văn M, Ngô Kim H1 số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 27.415.000 đồng. Thu giữ trong nhà Bùi Xuân T 01 bát sứ, 02 đĩa sứ, 01 bộ bài chắn (100 quân), 04 quân vị, 01 chiếc chiếu.

Ngày 13/5/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên khám xét khẩn cấp nhà ở của Bùi Xuân T, qua khám xét thu giữ 01 chiếc kéo, 01 đèn pin.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Điện Biên thu giữ đồ vật, tài liệu như sau:

Thu giữ của bị cáo Bùi Xuân T 130.000 (Một trăm ba mươi nghìn) đồng; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu xám, đã cũ không kiểm tra tình trạng bên trong.

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình T 10.040.000 (Mười triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng; 01 (Một) Điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus, mầu vàng đã cũ, không kiểm tra tình trạng bên trong; 01 (Một) Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Đình T; 01 (Một) Giấy đăng ký xe máy.

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn L 135.000 (Một trăm ba mươi năm nghìn) đồng; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu OPPO, mầu trắng, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia mầu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn L.

Thu giữ của bị cáo Trịnh Đình A 01 điện thoại nhãn hiệu IPhone 6, mầu vàng nhạt, đã cũ, không kiểm tra tình trạng bên trong.

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B số tiền 14.120.000 (Mười bốn triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu SamSung J7, mầu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Duy K 40.000 (Bốn mươi nghìn) đồng; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia mầu đen, đã cũ không kiểm tra tình trạng bên trong.

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T1 01 (Một) chiếc ví da màu nâu, bên trong có 1.400.000 (Một triệu bốn trăn nghìn) đồng; 01 (Một) Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn T1.

Thu giữ của bị cáo Hà Văn M số tiền 10.800.000 (Mười triệu tám trăm nghìn) đồng; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu đen đã cũ, không kiểm tra tình trạng bên trong.

Thu giữ của bị cáo Ngô Kim H1 số tiền 1.690.000 (Một triệu sáu trăm chín mươi nghìn) đồng; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 và 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Viettel màu đen đã qua qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong của 02 (Hai) chiếc điện thoại trên.

Thu giữ của Nguyễn Văn H2 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 mầu đen, đã qua sử dụng; 360.000 (Ba trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Thu giữ của Phạm Hữu H 01 (Một) điện thoại hiệu Iphone 5S, mầu xám, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

Thu giữ của Hà Tiến Đ 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus mầu trắng và 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, mầu vàng nhạt, 02 điện thoại trên đều đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

Thu giữ của của Nhữ Văn L 20.000 (Hai mươi nghìn) đồng; 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Wave mầu xanh, xe đã cũ, không kiểm tra tình trạng bên trong.

Thu giữ của Trần Công Đ1 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Viettel, màu xanh đen, đã cũ, không kiểm tra tình trạng bên trong và 10.000 (Mười nghìn) đồng.

Thu giữ của Nguyễn Văn C 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S, mầu bạc, đã cũ không kiểm tra tình trạng bên trong; 01 (Một) dây sạc điện thoại nhãn hiệu Iphone đã cũ.

Tại cơ quan Điều tra các bị cáo đã khai nhận như sau: Trước khi đánh bạc bị cáo T có 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, khi bị bắt T thua số tiền 320.000 (Ba trăm hai mươi nghìn) đồng còn lại 130.000 (Một trăm ba mươi nghìn) đồng; Bị cáo L mang theo 1.000.000 (Một triệu) đồng khi bị bắt L còn lại 135.000 (Một trăm ba mươi năm nghìn) đồng; Bị cáo S mang theo 550.000 (Năm trăm năm mươi nghìn) đồng, khi bị bắt bị thua hết số tiền; Bị cáo K mang theo 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng, khi bị bắt thua 560.000 (Năm trăm sáu mươi nghìn) đồng, còn lại 40.000 (Bốn mươi nghìn) đồng; Bị cáo T mang theo 10.040.000 (Mười triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng nhưng chỉ dùng 5.000.000 (Năm triệu) đồng để đánh bạc, khi bị bắt vẫn còn nguyên số tiền; Bị cáo Tiến mang theo 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, khi bị bắt tổng số tiền 29.500.000 (Hai mươi chín triệu năm trăm nghìn) đồng (trong đó 20.000.000 đồng A mang theo, 9.500.000 đồng vay của T); Bị cáo T1 mang theo 14.220.000 (Mười bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng nhưng chỉ sử dụng 4.220.000 (Bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng để đánh bạc, khi bị bắt bị thua 100.000 (Một trăm nghìn) đồng, còn lại 4.120.000 (Bốn triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng; Bị cáo M mang theo 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng nhưng chỉ sử dụng 10.000.000 (Mười triệu) đồng để đánh bạc, khi bị bắt thua 3.200.000 (Ba triệu hai trăm nghìn) đồng, còn lại 6.800.000 (sáu triệu tám trăm nghìn) đồng; Bị cáo H1 mang theo 1.490.000 (Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng, khi bị bắt H1 thắng 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, tổng cộng số tiền thu của H1 là 1.690.000 (Một triệu sáu trăm chín mươi nghìn) đồng; Bị cáo Thực mang theo 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng nhưng chỉ sử dụng 4.100.000 (Bốn triệu một trăm nghìn) đồng để đánh bạc, khi bị bắt bị thua hết số tiền trên.

Như vậy tổng số tiền thắng, thua mà các bị cáo thừa nhận đã sử dụng vào việc đánh bạc là 47.415.000 (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm mười lăm nghìn) đồng.

Trong quá trình điều tra các bị cáo Hà Văn M, Ngô Kim H1, Nguyễn Đình T, Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T1, Trịnh Đình A, Bùi Xuân T thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKSNP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã·truy tố các bị cáo: Hà Văn M, Ngô Kim H1, Nguyễn Đình T, Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T1, Trịnh Đình A, Bùi Xuân T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên, sau khi xem xét đánh giá toàn diện nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trình bày quan điểm và luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Hà Văn M, Ngô Kim H1, Nguyễn Đình T, Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T1, Trịnh Đình A, Bùi Xuân T phạm tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 35, Điều 58, Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (Không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Trịnh Đình A).

- Xử phạt bị cáo Hà Văn M từ 23.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Ngô Kim H1 từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 23.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K (Tên gọi khác: Nguyễn Duy H) từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 23.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Bùi Xuân T từ 23.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Đình A từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 47.415.000 (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 bát sứ, 02 đĩa sứ, 01 bộ bài chắn (100 quân), 04 quân vị, 01 chiếc chiếu nhựa mầu xanh đỏ, 01 chiếc kéo, 01 chiếc đèn pin.

- Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên; Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 12/5/2018 tại nhà ở của Bùi Xuân T thuộc bản A, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, Hà Văn M, Ngô Kim H1, Nguyễn Đình T, Nguyễn Duy K (Tên gọi khác: Nguyễn Duy H), Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T1, Trịnh Đình A, Bùi Xuân T đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh "Xóc đĩa". Trước đó khoảng 13 giờ cùng ngày, T, L, K, S đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh "Chắn". Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 47.415.000 (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đề xét xử về tội danh và Điều luật như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ. Đánh bạc đang là một tệ nạn nguy hiểm, bị gia đình, xã hội lên án, Nhà nước ta đang ra sức loại trừ. Vì đánh bạc mà nhiều gia đình bị khánh kiệt, nợ nần, tệ nạn cờ bạc cũng cũng là nguyên nhân gây lên các loại tội phạm khác

[3] Xét tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này mang tính chất ít nghiêm trọng. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vì muốn sát phạt nhau bằng tiền, muốn thu lời bất chính nên cố ý phạm tội. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, cần có biện pháp xử lý thật nghiêm minh, tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tự bột phát cùng nhau đánh bạc nên không có sự bàn bạc, chuẩn bị, câu kết chặt chẽ giữa những người thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên để cá thể hóa về hình phạt, cần xác định vai trò, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm của từng bị cáo, để áp dụng mức hình phạt tương xứng với mỗi bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Đình T là người khởi xướng rủ rê các bị cáo T, Sự, L, K đang đánh chắn tham gia xóc đĩa cùng với các bị cáo Tiến, T1, Hùng, M, Thực. Bị cáo T lấy 01 bát sứ và 01 đĩa sứ cùng 04 quân hình tròn mà bị cáo Trịnh Đình A đưa cho để làm quân xóc và là người cầm cái xóc đĩa tham gia tích cực từ đầu cho đến khi bị bắt giữ. Số tiền T sử dụng đánh bạc là 5.000.000 đồng, do vậy Nguyễn Đình T giữ vai trò đầu trong vụ án.

Đối với Bùi Xuân T là chủ nhà, đáng lẽ khi các bị cáo khác rủ chơi bạc tại nhà mình thì phải can ngăn các bị cáo nhưng T lại tham gia tích cực cùng với các bị cáo khác. Số tiền T dùng vào việc đánh bạc là 450.000 đồng, do vậy Bùi Xuân T giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Đối với Trịnh Đình A, số tiền tham gia đánh bạc lớn là 20.000.000 đồng, đồng thời là người đưa 04 quân chắn cho T cắt 04 quân hình tròn làm quân xóc đĩa và tham gia tích cực cùng các bị cáo đánh xóc đĩa cho đến khi bị bắt, do vậy Trịnh Đình A giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

Đối với Nguyễn Văn S là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo Bùi Xuân T, Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn L tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh chắn và là người chia bài đầu tiên. Tuy nhiên số tiền Sự mang đi dùng đánh bạc ít, chỉ có

550.000 đồng và chỉ chơi trong khoảng thời gian từ 20 phút đến 30 phút thì chuyển sang đánh xóc đĩa, đồng thời cũng tham gia tích cực cùng các bị cáo nên giữ vai trò thứ tư trong vụ án.

Đối với bị cáo Hà Văn M, số tiền dùng để đánh bạc là 10.000.000 đồng, bản thân bị cáo lại đang là công nhân vận hành điện huyện N, tỉnh Điện Biên; Bị cáo Nguyễn Văn B, số tiền dùng để đánh bạc là 4.220.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn T1, số tiền dùng để đánh bạc là 4.100.000 đồng; Bị cáo Ngô Kim H1, số tiền dùng để đánh bạc là 1.490.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn L, số tiền dùng để đánh bạc là 1.000.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Duy K, số tiền dùng để đánh bạc là 600.000 đồng là những bị cáo tham gia tích cực cùng bị cáo T, bị cáo Tiến, bị cáo Sự, bị cáo K trong việc đánh bạc cho đến khi bị bắt, vì vậy các bị cáo này lần lượt xếp vai trò như nhau trong vụ án.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo Hà Văn M, Ngô Kim H1, Nguyễn Đình T, Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T1, Bùi Xuân T đều không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân, có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đối với Trịnh Đình A, ngày 31/7/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tuyên phạt 30 tháng tù về tội: Cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự, tháng 9/2009 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo L có thêm tình tiết giảm nhẹ mẹ đẻ là người có công với Nhà nước được tặng thương huân chương theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Trịnh Đình A không được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp. Ngoài ra 09 ngày tạm giữ đối với các bị cáo cũng đã đủ răn đe và giúp các bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình. Bên cạnh đó các bị cáo đều có nơi ở, địa chỉ rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo H1, M, T1, Sự, T, L, K, T1, T cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo và

nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Đối với bị cáo Trịnh Đình A tuy có nhân thân xấu, nhưng hành vi của bị cáo trong vụ án này không phải giữ vai trò chính, chỉ là người tham gia sát phạt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải với hành vi của mình, nên Hội đồng xét xử xét thấy mức phạt tiền được áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa đã xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 47.415.000 (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm mười lăm nghìn) đồng cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với: 01 bát sứ, 02 đĩa sứ, 01 bộ bài chắn (100 quân), 04 quân vị, 01 chiếc chiếu nhựa mầu xanh đỏ, 01 chiếc kéo, 01 chiếc đèn pin là công cụ dùng vào việc phạm tội, là vật chứng không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Các vấn đề khác:

Đối với hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh chắn của Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn L, Bùi Xuân T, Nguyễn Duy K: các bị cáo sử dụng số tiền 2.600.000 đồng để đánh bạc, sau đó đánh xóc đĩa. Không đủ căn cứ để kết luận các bị cáo phạm tội nhiều lần. Xét việc xác định của Cơ quan Cảnh sát Điều tra là có căn cứ, Viện Kiểm sát không truy tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh chắn, xóc đĩa không có tổ chức, không ai rủ rê, lôi kéo mà do tự phát. Trong lúc chơi 06 bị cáo gồm: Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Đình T, Trịnh Đình A, Nguyễn Văn T1, Hà Văn M tự bảo nhau mỗi bị cáo góp 200.000 đồng đưa cho bị cáo Bùi Xuân T mua nước uống và thuốc lá. Tổng số tiền 1.200.000 đồng, trong lúc chơi bị cáo T do hết tiền đã dùng số tiền đó chơi bạc hết vì vậy không cấu thành tội "Gá bạc". Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Hà Tiến Đ, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn C, Nhữ Văn L, Phạm Hữu H, Trần Công Đ1 là những người có mặt tại nhà bị cáo Bùi Xuân T khi Cơ quan điều tra bắt quả tang, qua điều tra xác định Đức, Hùng, Tùng, Long, Hai, Đạo không tham gia đánh bạc, không biết các bị cáo tham gia đánh bạc vì vậy không đủ căn cứ để xử lý, đồng thời vào ngày 29/5/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra các Quyết định trả lại tài sản như sau: Trả lại cho Nguyễn Văn H2 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 mầu đen, đã qua sử dụng và 360.000 (Ba trăm sáu mươi nghìn) đồng. Trả lại cho Phạm Hữu H 01 (Một) điện thoại hiệu

Iphone 5S, mầu xám, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong. Hà Tiến Đ 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus mầu trắng và 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, mầu vàng nhạt, 02 điện thoại trên đều đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong. Trả lại cho Nhữ Văn L 20.000 (Hai mươi nghìn) đồng; 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Wave mầu xanh BKS 27B1-675.87, xe đã cũ, không kiểm tra tình trạng bên trong. Trả lại cho Trần Công Đ1 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Viettel, màu xanh đen, đã cũ, không kiểm tra tình trạng bên trong và 10.000 (Mười nghìn) đồng. Trả lại cho Nguyễn Văn C 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S, mầu bạc, đã cũ không kiểm tra tình trạng bên trong; 01 (Một) dây sạc điện thoại nhãn hiệu Iphone đã cũ. Xét việc xác định và trả tài sản của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu xám, đã cũ không kiểm tra tình trạng bên trong thu giữ của Bùi Xuân T; số tiền 5.040.000 (Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng, 01 (Một) Điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus, mầu vàng đã cũ, không kiểm tra tình trạng bên trong, 01 (Một) Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Đình T, 01 (Một) Giấy đăng ký xe máy thu giữ của Nguyễn Đình T; Đối với 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Oppo, mầu trắng, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong và 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia mầu đen, đã qua sử dụng cùng 01 (một) Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn L đã thu giữ của Nguyễn Văn L; 01 Điện thoại nhãn hiệu IPhone 6, mầu vàng nhạt, đã cũ, không kiểm tra tình trạng bên trong thu giữ của Trịnh Đình A; số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng và 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu SamSung J7, mầu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong thu giữ của Nguyễn Văn B; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia mầu đen, đã cũ không kiểm tra tình trạng bên trong thu giữ của Nguyễn Duy K; 01 (Một) chiếc ví da màu nâu, bên trong có 1.400.000 (Một triệu bốn trăn nghìn) đồng; 01 (Một) Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn T1 thu giữ của Nguyễn Văn T1; Đối với số tiền 4000.000 (Bốn triệu) đồng và 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu đen đã cũ, không kiểm tra tình trạng bên trong thu giữ của Hà Văn M; Đối với 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 và 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Viettel màu đen đã qua qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong của 02 (Hai) chiếc điện thoại trên thu giữ của Ngô Kim H1. Qua điều tra xác minh các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội. Ngày 29/5/2018 Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã tất cả trả lại sản trên cho các bị cáo. Xét việc trả tài sản của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo Hà Văn M, Ngô Kim H1, Nguyễn Đình T, Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T1, Trịnh Đình A, Bùi Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Các bị cáo Hà Văn M, Ngô Kim H1, Nguyễn Đình T, Nguyễn Duy K (Nguyễn Duy H), Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T1, Trịnh Đình A, Bùi Xuân T phạm tội "Đánh bạc".

[2]. Áp dụng:

Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 35, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Hà Văn M, Ngô Kim H1, Nguyễn Đình T, Nguyễn Duy K (Nguyễn Duy H), Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T1, Bùi Xuân T.

Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 35, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 35, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trịnh Đình A.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Đình T 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng;

Bị cáo Bùi Xuân T 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng;

Bị cáo Hà Văn M 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng;

Bị cáo Ngô Kim H1 20.000.000 (Hai mươi triệu);

Bị cáo Nguyễn Duy K (tên gọi khác: Nguyễn Duy H) 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn L 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn S 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn T1 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn B 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng;

Bị cáo Trịnh Đình A 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[3]. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi bổ sung 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 47.415.000 (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm mười lăm nghìn) đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ, 02 đĩa sứ, 01 bộ bài chắn (100 quân), 04 quân vị, 01 chiếc chiếu nhựa mầu xanh đỏ, 01 chiếc kéo, 01 chiếc đèn pin.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/9/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên).

[4]. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Hà Văn M, Ngô Kim H1, Nguyễn Đình T, Nguyễn Duy K (Nguyễn Duy H), Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T1, Trịnh Đình A, Bùi Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 BLTTHS năm 2015, báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/10/2018./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA - TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Đội ma túy Công an Nậm Pồ;
- Cơ quan THAHS CA Nậm Pồ;
- Nhà tạm giữ CA huyện N
- Chi cục THA dân sự Nậm Pồ;
- PC 81(THAHS) CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hsơ: VA, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Tuấn